TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 59/2020/DSST
Ngày: 04-8-2020
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng vận chuyển tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hải
2. Ông Huỳnh Thanh Vũ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoài Thương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa*: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST - DS ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng vận chuyển tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1978; Trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(có mặt)*

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1984; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Thùy L; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt)*

4. *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977; Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1952; Cùng trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(anh Đ, ông K cùng có mặt)*

Ông Nguyễn Tùng N, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Ông V Ngọc H, sinh năm 1965; Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. *(vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Vào khoảng tháng 11/2018, anh có cho anh Trần Văn N vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, thời hạn vay: không xác định. Việc cho vay, hai bên chỉ thỏa thuận miệng và không có lập giấy tờ gì. Từ lúc vay cho đến nay, anh N không thanh toán tiền vốn gốc và lãi.

Ngoài ra, trước đây (không nhớ rõ thời gian), anh N có thuê vận chuyển tài sản (chở vịt) của anh nhiều lần. Việc thuê vận chuyển, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không có làm Hợp đồng. Khi chốt sổ, anh N còn nợ lại số tiền 26.460.000đồng.

Đến ngày 22/3/2019, anh N xác nhận nợ và ký vào Tờ nhận nợ với số tiền 66.460.000 đồng (trong đó: Tiền vay là 40.000.000 đồng và tiền thuê vận chuyển là 26.460.000đồng. Sau đó, anh N đã thanh toán được số tiền 10.000.000 đồng (không nhớ rõ thời gian). Như vậy, anh N còn nợ tổng cộng số tiền 56.460.000 đồng và nợ lãi (đối với số tiền vay) theo quy định.

Nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn M yêu cầu bị đơn anh Trần Văn N có trách nhiệm trả số tiền 56.460.000đồng (trong đó: nợ gốc vay là 40.000.000 đồng và tiền thuê vận chuyển là 16.460.000đồng) và không yêu trả tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy L vắng không rõ lý do.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông V Ngọc H trình bày: Ông và anh Nguyễn Văn M và anh Trần Văn N không có quan hệ họ hàng gì. Trước đây, việc anh M cho anh N vay tiền vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu thì ông không biết rõ. Đến ngày 22/3/2019, tại quán cà phê ở thị trấn Cờ Đỏ, anh N thừa nhận nợ, ký tờ nhận nợ với anh M số tiền 66.460.000đồng và hứa đến ngày 22/4/2019 sẽ thanh toán số tiền trên nhưng đến nay anh N đã thanh toán cho anh M xong chưa thì ông không biết rõ. Ngoài ra, ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn Đ, anh Đặng Thành S và anh Nguyễn Tùng N ký chứng kiến vào Tờ nhận nợ lập ngày 22/3/2019.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Nguyễn Tùng N trình bày: Ông và anh Nguyễn Văn M và anh Trần Văn N không có quan hệ họ hàng gì. Hiện ông là Công an viên thị trấn Cờ Đỏ, huyện Cờ Đỏ, phụ trách ấp Thới Bình. Trước đây, việc anh M cho anh N vay tiền vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu thì ông không biết rõ. Đến ngày 22/3/2019, tại quán cà phê ở thị trấn Cờ Đỏ, anh N thừa nhận nợ, ký tờ nhận nợ với anh M số tiền 66.460.000đồng và hứa đến ngày 22/4/2019 sẽ thanh toán nhưng đến nay anh N thanh toán chưa thì ông không biết rõ. Ông là người viết Tờ biên nhận và cùng ông Nguyễn Văn K, anh Nguyễn Văn Đ, anh Đặng Thành S và ông V Ngọc H ký tên chứng kiến vào Tờ nhận nợ lập ngày 22/3/2019.

Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Nguyễn Văn K trình bày: Ông là cha ruột của anh M và không có họ hàng gì đối với anh N. Trước đây, anh M cho anh N vay tiền vào thời gian nào, số tiền bao nhiêu thì ông không biết rõ. Đến ngày 22/3/2019, tại quán cà phê ở thị trấn Cờ Đỏ, anh N thừa nhận nợ, ký tờ nhận nợ với anh M số tiền 66.460.000đồng và hứa đến ngày 22/4/2019 sẽ thanh toán số tiền trên. Từ khi thỏa thuận thời gian trả nợ cho đến nay, anh N chưa thanh toán cho anh M. Ngoài ra, anh Nguyễn Văn Đ, anh Đặng Thành S, anh Nguyễn Tùng N và anh Vương Ngọc H cùng ký chứng kiến vào Tờ nhận nợ lập ngày 22/3/2019.

Người làm chứng anh Nguyễn Văn Đ thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh N có trách nhiệm trả cho anh M số tiền 56.460.000đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn anh N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn ông Mai yêu cầu bị đơn anh N có trách nhiệm thanh toán số tiền 56.460.000đồng. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản và Hợp đồng vận chuyển tài sản*".

[1.2] *Về việc tham gia tố tụng*: Bị đơn anh Trần Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy L được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người làm chứng ông V Ngọc H, ông Nguyễn Tùng N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử có căn cứ tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị L, ông V và ông N.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về nợ gốc*:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh N được biết về việc anh M yêu cầu anh N có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc và lãi để anh N có phản đối lại yêu cầu của anh M và đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối lại yêu cầu của anh M là có căn cứ. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm, anh N không có ý kiến phản đối lại yêu cầu của anh M và không đưa ra chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối lại yêu cầu anh M. Theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, phía anh N không đưa ra ý kiến phản đối cũng như các chứng cứ để chứng minh phản đối trước yêu cầu của anh M thì Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào Tờ nhận nợ ngày 22/3/2019, các lời khai của nguyên đơn và người làm chứng xác định: Ngày 20/5/2016, anh M và anh N có xác lập hợp đồng vay tài sản. Nội dung: Anh M cho anh N vay số tiền là 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận: 1%/tháng, thời hạn vay: không xác định, hai bên chỉ thỏa thuận miệng nhưng không lập giấy tờ gì. Ngoài ra, anh N còn nợ tiền thuê vận chuyển tài sản (chở vịt) của anh M với

số tiền 26.460.000 đồng. Đến ngày 22/3/2019, anh N xác nhận nợ và ký vào Tờ nhận nợ với số tiền 66.460.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh M thừa nhận từ khi ký biên nhận nợ cho đến nay anh N chỉ thanh toán được số tiền 10.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 56.460.000 đồng chưa thanh toán nên yêu cầu bị đơn anh N trả. Phía bị đơn anh M được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt và không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán nợ cho anh M.

Xét lời khai của người làm chứng: Ông Hứa, ông N, anh Đ và ông K cùng xác định anh N có nợ anh M số tiền 66.460.000 đồng. Tuy nhiên, anh Đ và ông K có mối quan hệ thân thích với anh M nên lời khai của ông K và anh Đ chưa khách quan nhưng các lời khai này phù hợp với lời khai của anh M, ông Hứa và ông N cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên lời khai của ông V, ông N, anh Đ và ông K là có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định anh N có nợ tiền vay và tiền thuê vận chuyển tài sản của anh M tổng cộng số tiền 56.460.000 đồng và chưa thanh toán. Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 530 và Điều 536 của Bộ luật Dân sự, nguyên đơn anh M yêu cầu bị đơn anh N có trách nhiệm trả số tiền 56.460.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] *Về lãi suất:* Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí dân sự*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh M phải chịu án phí trên số tiền của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh N có trách nhiệm trả cho anh M số tiền 56.460.000 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466; Điều 530 và Điều 536 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M về việc đòi nợ đối với bị đơn anh Trần Văn N.

2. Buộc bị đơn anh Trần Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn M số tiền là 56.460.000đồng *(Năm mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn anh Trần Văn N phải nộp số tiền 2.723.000đồng.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn M được nhận lại số tiền 1.541.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 012986 ngày 14/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Tuyên án công khai, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TPCT;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Võ Minh Phụng

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Minh Phụng